

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ I NĂM 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	177.265.746.975	164.169.957.640
2. Các khoản giảm trừ	02		297.568.987	265.608.446
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		176.968.177.988	163.904.349.194
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	86.168.450.759	82.418.615.807
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		90.799.727.229	81.485.733.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.152.038.843	3.375.060.265
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.566.427.595	1.748.885.008
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		360.515.522	724.873.792
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	52.874.766.657	53.920.689.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	11.569.994.449	6.973.338.805
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		26.940.577.371	22.217.880.349
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.686.302.789	2.413.526.094
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.524.304.919	635.696.326
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		161.997.870	1.777.829.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.102.575.241	23.995.710.117
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.518.885.630	4.819.078.913
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.583.689.611	19.176.631.204
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.851	1.653

Người lập biểu



CN. Trần Hoài Hạnh

Kế toán trưởng



CN. Phan Hoàng Minh Trú

TP. Cao Lãnh, ngày 18 tháng 04 năm 2011

Tổng giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CN. Nguyễn Quốc Định